TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thúy Yên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Đỗ Hiếu Nghĩa
2. Bà Sùng Thị Máy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông: Củng Trần Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*** tham gia phiên tòa: Ông: Vừ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh: Lò Minh S, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị: Nùng Thị S1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Người làm chứng: Vàng Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Người phiên dịch: Nùng Văn T; địa chỉ: Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/7/2017, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lò Minh S trình bày:

Anh và chị Nùng Thị S1 kết hôn từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Cuộc sống vợ chồng luôn có mâu thuẫn với những lý do không chính đáng, cứ có

chuyện gì chị S1 lại dọa bỏ đi. Bản thân anh đi làm xa nhà đã động viên nhiều lần nhưng chị S1 không nghe lại còn ghen tuông vô cớ, chửi mắng anh, xúc phạm đến cả họ hàng nhà anh, cãi nhau với mẹ chồng, anh không thể chấp nhận được. Trong thời gian chung sống chị S1 thích thì làm không thích thì thôi, lúc nào cũng đòi hỏi anh phải về nhà và phải đáp độ chị S1. Bản thân anh cảm thấy cuộc sống lúc nào cũng lo âu, không an tâm công tác, cuộc sống chung không thể tiếp tục được vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị S1 không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nùng Thị S1.

Về con chung, anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị N sinh ngày 28/4/2007 và cháu Lò Huyền L sinh ngày 14/5/2012. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, còn việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, anh có đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng không nợ ai, còn bản thân anh có vay riêng khoản vay bên Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh M trừ qua lương hàng tháng, anh có trách nhiệm tự trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2017, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn Nùng Thị S1 thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung như nguyên đơn trình bày. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2016 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, lý do là một số lần say rượu về nhà anh S gây sự và tát vào mặt chị, nhiều lần chị đều bỏ qua. Mỗi khi thứ bảy, chủ nhật anh S về nhà thì chị làm gì cũng không phải và chồng vu cho chị nhiều điều không đúng. Chồng chị tự sinh ý định ly hôn với chị, còn chị không đồng ý ly hôn, chị đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị đoàn tụ gia đình, nếu ly hôn chị không chấp nhận nuôi con vì anh S tự ý ly hôn với chị. Công nợ chung vợ chồng không có. Chị ở nhà làm nông nghiệp thu nhập không đáng kể. Tại phiên tòa hôm nay, chị đồng ý ly hôn với anh S, đồng ý để anh S nuôi hai con chung.

Tại công văn số 129/HNNo-TD ngày 17/8/2017, công văn số 161/NHNo-TD ngày 10/9/2017, Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh M xác định anh Lò Minh S có ký Hợp đồng tín dụng số 8203-LAV-201500351 ngày 20/5/2015 vay số tiền 80.000.000đ, đến ngày 17/8/2017 còn nợ gốc là 29.990.563đ. Hợp đồng ký kết với cá nhân anh S và cam kết trả qua thu nhập từ tiền lương hàng tháng của anh S, không ghi người thừa kế, do đó anh S có trách nhiệm tự trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét để anh Lò Minh S tự trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận, nguồn trả nợ từ tiền lương hàng tháng, và có ý kiến không tham gia tố tụng. Đây là khoản nợ cá nhân của anh Lò Minh S với Ngân hàng, ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng Vàng Thị C khai, bà được chứng kiến và thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị S1 không còn yêu thương nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị S1 thường xuyên bắt anh S về nhà, chị S1 ngoài mâu thuẫn

với anh S còn thường xuyên mâu thuẫn với bà. Hiện tại chị S1 cũng không ở nhà anh S nữa.

Qua xác minh tại địa phương, biên bản xác minh ngày 07/9/2017, đại diện thôn B cho biết: Vợ chồng anh S và chị S1 chung sống với nhau được một, hai năm đầu, sau khi anh S ra công tác ngoài huyện thì vợ chồng bắt đầu lục đục nảy sinh mâu thuẫn, chị S1 thường xuyên gọi điện giục anh S phải từ huyện về nhà, trong gia đình thì chị S1 còn nảy sinh mâu thuẫn với mẹ chồng, cãi chửi nhau không bên nào chịu bên nào. Thôn và xã cũng đã xuống gia đình hai lần hòa giải nhưng lần nào cũng không hòa giải được, chị S1 không chịu chồng cũng như mẹ chồng, muốn làm cao hơn chồng. Nếu chị S1 tốt tính thì không có vấn đề gì, vì anh S ở thôn tính tình cũng hiền lành nhưng chị S1 lúc nào cũng làm căng như vậy thì cũng không ai chịu đựng được.

Cháu Lò Thị N có ý kiến nếu bố, mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở với bố.

Ngày 11/9/2017, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn; bị đơn không có yêu cầu phản tố, không nhất trí ly hôn. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 20/9/2017, chị Nùng Thị S1 có đơn đề nghị yêu cầu anh S chia tài sản và công sức đóng góp cho chị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật; về việc giải quyết vụ án, từ năm 2016 đến nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị S1 không làm tròn trách nhiệm của người vợ trong gia đình, anh chị cũng đã sống ly thân, tại phiên tòa chị S1 đồng ý ly hôn, đồng ý để anh S nuôi dưỡng hai con chung, căn cứ điều 55, điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận ly hôn của các đương sự tại phiên tòa, giao hai con chung cho anh S có trách nhiệm nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Lò Minh S và chị Nùng Thị S1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị S1 và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, anh S đi công tác ngoài huyện chị S1 ở nhà thường xuyên gọi điện giục anh S phải từ huyện về nhà, khiến anh S lúc nào cũng lo âu không yên tâm công tác, ngoài ra chị S1 còn mâu thuẫn với mẹ chồng, cãi chửi nhau với mẹ chồng không bên nào chịu bên nào. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lò Minh S là có căn cứ, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định của điều 19 Luật hôn nhân và gia

đình, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị S1 đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị N sinh ngày 28/4/2007 và cháu Lò Huyền L sinh ngày 14/5/2012. Hiện tại chị S1 không có thai. Anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị S1 đồng ý để anh S nuôi cả hai con, cháu Lò Thị N có nguyện vọng ở với bố, do vậy Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận giao cả hai con chung cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Anh S không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con, anh S có việc làm và thu nhập ổn định, chị S1 làm nông nghiệp ở nhà thu nhập không đáng kể, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

[3] Về tài sản chung: Anh S đề nghị tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đề nghị của chị Nùng Thị S1 yêu cầu anh S chia tài sản và công sức đóng góp cho chị, xét đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, theo quy định tại khoản 3 điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị S1 đưa ra yêu cầu sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản của chị Nùng Thị S1 trong vụ án này.

[4] Công nợ chung không có Hội đồng xét xử không xem xét. Khoản vay nợ cá nhân của anh Lò Minh S với Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh M anh S có trách nhiệm tự trả, Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện M không đề nghị Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lò Minh S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 19, 51, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nùng Thị S1 thuận tình ly hôn với anh Lò Minh S.

2. Con chung:

Công nhận: Anh Lò Minh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Lò Thị N sinh ngày 28/4/2007 và cháu Lò Huyền L sinh ngày 14/5/2012 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nùng Thị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Lò Minh S.

Chị S1 được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Công nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí sơ thẩm:

Anh Lò Minh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang theo Biên lai thu số 03397 ngày 14/7/2017.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBDN xã N);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Yên